TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 308/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
"V/v *Ly hôn giữa chị T và anh Đ"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Nguyệt Hồng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Thị Long.**

2. Ông **Trương Văn Hơn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thảo** – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** – kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2022/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 19xx (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện G, tỉnh T.

2. Bị đơn: Nguyễn Quang Đ, sinh năm 19xx (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Đ tiến đến hôn nhân 2017 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Phú Đông theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày

26/5/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh Đ hay ghen tuông vô cớ vợ chồng đã ly thân 03 năm nay. Nay tình cảm không còn tôi yêu cầu ly hôn với anh Đ. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/4/2017. Ly hôn tôi để anh K nuôi con, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Quang Đ vắng mặt không lý do dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nên không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị Huệ.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Quang Đ đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Nguyễn Quang Đ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị T chung sống với anh Đ từ năm 2017 và được UBND xã T, huyện Tân Phú Đông cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 26/5/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài từ năm 2019 nhưng đến nay mâu thuẫn

giữa anh và chị vẫn không hàn gắn được. Nay chị T xin ly hôn nhưng anh Đ không đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T, điều đó chứng tỏ anh Đ không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T để cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống với anh Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh Đ đều có khả năng nuôi dạy con chung và hiện nay cháu K đang sống với anh Đ. Cháu K có cuộc sống ổn định, được anh Đ lo lắng, chăm sóc tốt. Do đó, cần để anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày xx/xx/xxxx và chị T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K trưởng thành và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu sau này chị T và anh Đ có tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị T và anh Đ có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Quang Đ.

2/ Về con chung:

Anh Nguyễn Quang Đ được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày xx/xx/xxxx.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K trưởng thành và có khả năng lao động. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án."

Chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007718 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông ;
- Đương sự;
- UBND xả T, huyện Tân Phú Đông;
- Lưu hồ sơ, AV;

Lê Thị Nguyệt Hồng